

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ D15XDD
TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 448

HỌC KỲ 5
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 21/11/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	152210010	VÕ VĂN	CHIẾN	D15XDD2	10				9				9	9.2	Chèn pháy Hai		
2	152210053	TRẦN VĂN	LAI	D15XDD2	8				7				8	7.8	Báy pháy Tầm		
3	152210014	LƯƠNG THANH	LỊCH	D15XDD2	10				9				9	9.2	Chèn pháy Hai		
4	152210030	LÊ MINH	LUÂN	D15XDD2	9				7				8	8.0	Tầm		
5	152210013	HOÀNG	MẠNH	D15XDD2	10				8				9	9.0	Chèn		
6	152210046	TRƯƠNG ĐĂNG	QUANG	D15XDD2	9				8				9	8.8	Tầm pháy Tầm		
7	152210021	TRẦN ĐĂNG	TÀI	D15XDD2	9				8				9	8.8	Tầm pháy Tầm		
8	152210052	ĐINH HOÀNG	TÙNG	D15XDD2	9				8				9	8.8	Tầm pháy Tầm		
9	152210063	ĐOÀN THẾ	ANH	D15XDD2	10				8				7	7.9	Báy pháy Chèn		
10	152210094	VÕ HUY	CƯỜNG	D15XDD2	10				9				8	8.7	Tầm pháy Báy		
11	152210009	NGUYỄN PHƯỚC	DIN	D15XDD1	10				8.5				7	8.0	Tầm		
12	152210087	BÙI HỮU	ĐỨC	D15XDD2	10				8				7	7.9	Báy pháy Chèn		
13	152210088	TRẦN VIỆT	HÙNG	D15XDD2	10				9				8	8.7	Tầm pháy Báy		
14	152210070	TRƯƠNG THÀNH	NAM	D15XDD2	8				7				6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
15	152210068	PHẠM VĂN	QUYỀN	D15XDD2	9				8				7	7.7	Báy pháy Báy		
16	152210075	NGUYỄN VĂN	THẠCH	D15XDD2	10				8				7	7.9	Báy pháy Chèn		
17	152210057	NGUYỄN ĐỨC	THÔNG	D15XDD2	10				8.5				8	8.5	Tầm pháy Năm		
18	152210065	TRẦN VĂN	TỊNH	D15XDD2	10				8.5				8	8.5	Tầm pháy Năm		
19	152210007	HUỲNH NGỌC	ĐỨC	D15XDD1	10				8.5				7.5	8.3	Tầm pháy Ba		
20	152210111	NGUYỄN VĂN	DŨNG	D15XDD1	9				8.5				7.5	8.1	Tầm pháy Mất		
21	152210096	VÕ VĂN	LÝ	D15XDD1	9				8				8	8.2	Tầm pháy Hai		
22	152210023	ĐOÀN	MUỖ	D15XDD1	8				8				8	8.0	Tầm		
23	152210102	PHAN THANH	NGHĨA	D15XDD1	9				8.5				7.5	8.1	Tầm pháy Mất		
24	152210143	PHẠM VĂN	BÌNH	D15XDD1	7				7				7	7.0	Báy		
25	152210145	LA VĂN	HANH	D15XDD2	8				7				6.5	6.9	Sầu pháy Chèn		
26	152210148	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	D15XDD1	6				7				7	6.8	Sầu pháy Tầm		
27	152210154	TRẦN NHẬT	TÂN	D15XDD1	8				7				7	7.2	Báy pháy Hai		
28	152210117	NGUYỄN XUÂN	THƯ	D15XDD1	7				7				7.5	7.3	Báy pháy Ba		
29	152210105	NGUYỄN THÀNH	BIN	D15XDD2	10				8.5				6.5	7.7	Báy pháy Báy		
30	152210110	VÕ ĐÌNH	CỬ	D15XDD2	8				7.5				6	6.8	Sầu pháy Tầm		
31	152210043	BÙI VĂN	ĐỊNH	D15XDD2	10				9				8.5	8.9	Tầm pháy Chèn		
32	152210116	TRẦN TRUNG	DŨNG	D15XDD2	9				8				9	8.8	Tầm pháy Tầm		
33	152210008	ĐÀO DUY	PHƯƠNG	D15XDD1	9.5				8.5				8.5	8.7	Tầm pháy Báy		
34	152210130	LÊ CÔNG	TRUNG	D15XDD2	9				8				6.5	7.4	Báy pháy Bấu		
35	152210128	NGUYỄN ĐÌNH	TƯ	D15XDD2	9				8				6.5	7.4	Báy pháy Bấu		
36	152220287	ĐỖ NGỌC	ĐÀO	D15XDD2	10				8.5				7.5	8.3	Tầm pháy Ba		
37	152210037	PHẠM NGỌC	ĐƯỜNG	D15XDD3	10				9.5				9	9.3	Chèn pháy Ba		
38	152210018	VÕ THANH	HẢI	D15XDD3	10				9				8	8.7	Tầm pháy Báy		
39	152210024	ĐỖ QUỐC	HÙNG	D15XDD3	10				7.5				7.5	8.0	Tầm		
40	152210034	NGUYỄN BẢO	HÙNG	D15XDD3	10				8.5				8.5	8.8	Tầm pháy Tầm		

Ngày thi: 21/11/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
41	142210726	NGUYỄN ĐÌNH KỲ	D15XDD3	10				8.5				8	8.5	Tâm pháp	Nằm	
42	152210019	TRẦN THỊ KHÁNH LY	D15XDD3	10				9				9	9.2	Chèn pháp	Hai	
43	152210001	ĐẶNG PHÚ QUỐC	D15XDD3	8				8				7	7.5	Báy pháp	Nằm	
44	152210126	HOÀNG VĂN TRUNG	D15XDD1	10				8.5				8	8.5	Tâm pháp	Nằm	
45	152210026	PHAN VĂN VŨ	D15XDD3	8				7				6.5	6.9	Sâu pháp	Chèn	
46	152210064	NGUYỄN ĐẶNG DŨNG	D15XDD3	8				7				6.5	6.9	Sâu pháp	Chèn	
47	152210140	TRẦN THỊ KIM HƯNG	D15XDD3	8				8				7.5	7.7	Báy pháp	Báy	
48	152210039	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG KHÁNH	D15XDD3	8				8				7.5	7.7	Báy pháp	Báy	
49	152210045	NGUYỄN THANH PHƯỚC	D15XDD3	8				8				7	7.5	Báy pháp	Nằm	
50	152210056	TRẦN HỒNG QUÂN	D15XDD3	8				8				7	7.5	Báy pháp	Nằm	
51	152210061	NGÔ MINH THỨ	D15XDD3	8				8				7.5	7.7	Báy pháp	Báy	
52	152210047	ĐÌNH XUÂN THUỶ	D15XDD3	8				9				8	8.3	Tâm pháp	Ba	
53	152210066	TRẦN THANH TÙNG	D15XDD3	8				7.5				6.5	7.1	Báy pháp	Mắt	
54	152210119	NGUYỄN TUẤN ANH	D15XDD3	10				8.5				8	8.5	Tâm pháp	Nằm	
55	152210160	LÊ PHƯỚC DUY	D15XDD3	10				8.5				8	8.5	Tâm pháp	Nằm	
56	152210133	ĐẶNG QUANG HOÀNG	D15XDD3	9				7.5				7	7.5	Báy pháp	Nằm	
57	152210129	TRẦN CÔNG QUỐC HƯNG	D15XDD3	10				8.5				8	8.5	Tâm pháp	Nằm	
58	152210114	PHẠM THẾ NAM	D15XDD3	10				8.5				7	8.0	Tâm		
59	152210076	NGUYỄN ĐÌNH THOẠI	D15XDD3	9				7.5				6.5	7.3	Báy pháp	Ba	
60	152210074	NGUYỄN HỮU NGỌC TRẦN	D15XDD3	10				8.5				7.5	8.3	Tâm pháp	Ba	
61	152210118	CAO BÁ TRUNG	D15XDD3	10				9				7.5	8.4	Tâm pháp	Bầu	
62	152210162	NGUYỄN VĂN AN	D15XDD1	10				9				7.5	8.4	Tâm pháp	Bầu	
63	152210103	NGUYỄN TRUNG THÀNH	D15XDD2	10				9				8	8.7	Tâm pháp	Báy	
64	152210084	HỒ ĐỨC THỌ	D15XDD2	10				7				7	7.6	Báy pháp	Sâu	
65	152210139	PHẠM THỨC	D15XDD2	10				9				8	8.7	Tâm pháp	Báy	
66	152210115	NGUYỄN TẤN VŨ	D15XDD2	10				9				8	8.7	Tâm pháp	Báy	
67	152210155	NGUYỄN VĂN CHÂU	D15XDD3	10				8				7.5	8.1	Tâm pháp	Mắt	
68	152220301	TRẦN HỒ QUANG CHÍNH	D15XDD3	10				7.5				7.5	8.0	Tâm		
69	152210142	NGUYỄN VĂN DŨI	D15XDD3	10				8				7	7.9	Báy pháp	Chèn	
70	152210042	PHẠM VĂN LÂM	D15XDD3	0				0				V	0.0	Khăng		
71	152210158	PHẠM VĂN TUẤN	D15XDD3	10				7.5				7.5	8.0	Tâm		
72	152210050	TRẦN ĐỨC ANH	D15XDD1	8				7				6.5	6.9	Sâu pháp	Chèn	
73	152210035	HỒ VŨ DUY	D15XDD2	8				8				8	8.0	Tâm		
74	152210028	PHẠM NGỌC HƯNG	D15XDD1	8				7				7.5	7.5	Báy pháp	Nằm	
75	152210016	NGUYỄN TẤN ANH KHIÊM	D15XDD1	9				8				7	7.7	Báy pháp	Báy	
76	152210015	ĐẶNG QUANG LÊ	D15XDD1	6				7				6	6.3	Sâu pháp	Ba	
77	152210071	ĐẶNG THANH LỢI	D15XDD2	8				7				7.5	7.5	Báy pháp	Nằm	
78	142210753	HỒ QUỐC TIẾN	D15XDD1	8				7				7.5	7.5	Báy pháp	Nằm	
79	152210012	PHAN MINH TÍN	D15XDD1	8				8				8	8.0	Tâm		
80	152210004	ĐẶNG NHẬT TRƯỜNG	D15XDD1	7				8				7	7.3	Báy pháp	Ba	
81	152210101	THÁI ANH TUẤN	D15XDD1	8				8				8	8.0	Tâm		
82	152210137	BÙI VĂN CƯỜNG	D15XDD3	7				7				6.5	6.7	Sâu pháp	Báy	
83	152210136	NGUYỄN ĐỨC LIÊM	D15XDD3	7				7				7	7.0	Báy		

Ngày thi: 21/11/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					20				25				55	100		
84	152210080	PHẠM NGỌC	NAM	D15XDD1	8				7			7	7.2	Baý pháp Hai		
85	152210073	VÕ QUANG	THANH	D15XDD1	8				7			7.5	7.5	Baý pháp Nàm		
86	152210097	MAI CHÍ	TRUNG	D15XDD1	8				7			8	7.8	Baý pháp Tằm		
87	152210086	NGUYỄN ĐỨC	TUẤN	D15XDD1	7				7			7.5	7.3	Baý pháp Ba		
88	152210038	TRẦN HUỖNH ĐỨC	VÂN	D15XDD2	7				7			6.5	6.7	Sầu pháp Baý		
89	152210078	PHẠM THẾ	VĨNH	D15XDD1	7				7			7	7.0	Baý		
90	152210108	CAO XUÂN	CÔNG	D15XDD1	9				8			7	7.7	Baý pháp Baý		
91	152210069	LÊ THANH	HẢI	D15XDD1	9				9			7.5	8.2	Tằm pháp Hai		
92	152210125	HUỖNH HỮU	HÂN	D15XDD1	8				8			7	7.5	Baý pháp Nàm		
93	152210120	TRẦN KHÁNH	LINH	D15XDD1	9				8			7	7.7	Baý pháp Baý		
94	152210156	CAO VĂN	THIỆT	D15XDD1	8				8			7	7.5	Baý pháp Nàm		
95	152210149	LÊ MINH	THÔNG	D15XDD1	8				8			6.5	7.2	Baý pháp Hai		
1	142210758	LÊ THANH	TUẤN	D14XDD	10				8			7	7.9	Baý pháp Chèn		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	95	99%	
2	Số sinh viên nợ	1	1%	
TỔNG CỘNG :		96	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 11 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú